

Số: 1723/TB-UBND

Võ Nhai, ngày 17 tháng 8 năm 2020

THÔNG BÁO

Công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2020 huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về qui định chi tiết một số điều thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Võ Nhai;

UBND huyện Võ Nhai thông báo công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2020 huyện Võ Nhai như sau:

1. Hồ sơ công khai

Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Võ Nhai (có bản photo kèm theo).

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Văn phòng HĐND và UBND huyện

- Chịu trách nhiệm đưa hồ sơ công khai lên Cổng thông tin Điện tử của huyện Võ Nhai.

- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND huyện Võ Nhai trong thời gian thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 (từ ngày công khai đến hết ngày 31/12/2020).

2.2. Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện đăng tin công bố, công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Võ Nhai trên phương tiện truyền thông do đơn vị quản lý.

2.3. UBND các xã, thị trấn

- Công bố và niêm yết công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Võ Nhai tại trụ sở UBND xã trong kỳ kế hoạch sử dụng đất, (từ ngày công khai đến hết ngày 31/12/2020).

- Thông báo cho tổ chức, đơn vị đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ đất đai theo quy định.

- Tăng cường quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu để Văn phòng HĐND và UBND huyện công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Võ Nhai.

- Hướng dẫn, giải thích khi có đề nghị của các tổ chức, cá nhân.

2.5. Việc công bố, công khai tại trụ sở UBND huyện; UBND các xã, thị trấn

Văn phòng HĐND và UBND huyện, UBND các xã, thị trấn phải lập biên bản niêm yết công khai theo quy định. Hồ sơ niêm yết công khai gửi về UBND huyện qua phòng Tài nguyên và Môi trường để lưu trữ trước ngày 19/8/2020.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân, tầng lớp nhân dân được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thái Nguyên ;
- Sở Tài nguyên và MT tỉnh TN;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND huyện;
- UB MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các phòng, ban, ngành của huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử của huyện;
- LĐVP (đ/c Nguyễn, đ/c Dân);
- Lưu: VT, TH (đ/c Ánh), TNMT (05 bản).

Dau

anh

CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Số: 2379 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 8 năm 2020



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban

nhân dân

Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên

Ngày: 02/08/2020 17:58:58

407:00

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Võ Nhai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 446/TTr-STNMT ngày 23 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đối với 17 công trình, dự án tại huyện Võ Nhai, với tổng diện tích sử dụng đất là 9,58 ha (chi tiết tại phụ lục 01 và danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất (bổ sung) năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

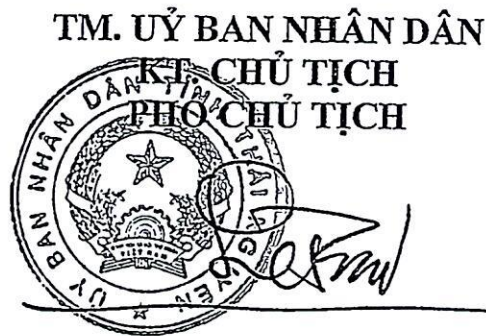
3. Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo quy định của Luật Đất đai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Võ Nhai và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./...*sm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CNN.
- DAT. QD.30/7. 10b.

đ



Lê Quang Tiến



Danh mục 17 công trình dự án phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 tại huyện Võ Nhai

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					
				Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng	
				Tổng số	Trong đó				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng			
	Tổng cộng		9,58	8,66	1,27	0,06		0,92	0,00
1	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác (Phạm Huy Thứ)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,48	0,48					
2	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác (Nguyễn Đình Vượng)	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,30	0,30					
3	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị (có danh sách chi tiết kèm theo)	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,11	0,106					
4	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (có danh sách chi tiết kèm theo)	Các xã trên địa bàn huyện Võ Nhai	1,44	1,44	1,05				
5	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ tiện ích Hùng Hanh số 1 (nhà dịch vụ tiện ích giải đoạn 02)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10	0,10	0,10				
6	Cửa hàng xăng dầu Khu Bắc	Xã Tráng Xá, huyện Võ Nhai	0,08	0,08					
7	Cụm công nghiệp Cây Bông	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,90					0,90	
8	Mở sết Cúc Đường	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	2,66	2,66					
9	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Thần Sa	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	0,20	0,20					
10	Cải tạo và nâng cấp bến xe khách Đình Cả	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,20	0,18				0,02	
11	Mở rộng Di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ đảng đầu tiên của Đảng bộ huyện Võ Nhai	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,05	0,05					
12	Nhà văn hóa xóm Tân Sơn	Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai	0,02	0,02					
13	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường dây 35KV nhánh rẽ lộ 371 E6.8 và lộ 371 TC Cao Ngạn E6.2 tạo liên thông mạch vòng	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	0,00	0,004	0,003				

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					
				Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng	
				Tổng số	Trong đó				
Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng							
14	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020 do EU tài trợ	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,07	0,07	0,01	0,06			
15	Lắp đặt MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp tỉnh Thái Nguyên	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	0,01	0,01	0,01				
16	Bảo tồn bản truyền thống dân tộc Tày, xóm Mô Gà, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên (tu bổ, tôn tạo Đình Mô Gà)	Xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	0,10	0,10	0,10				
17	Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	2,87	2,87					

DANH SÁCH CHI TIẾT HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT BỒ SUNG NĂM 2020 HUYỆN VĨNH NHAI

(Kèm theo Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:			
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm (CLN)	Sang đất trồng cây hàng năm khác (HNK)	Sang đất rừng sản xuất (RTS)
Tổng cộng						1,542	1,542			
I	Thị trấn Đình Cả					0,106	0,106			
1	Nguyễn Văn Công	Thị trấn Đình Cả	12	25	BHK	0,015	0,015			
2	Đỗ Đức Đại	Thị trấn Đình Cả	44; 464	18	CLN	0,01	0,010			
3	Lao Văn Tuất	Thị trấn Đình Cả	368	17	CLN	0,02	0,020			
4	Hoàng Thị Niềm	Thị trấn Đình Cả	369	17	CLN	0,011	0,011			
5	Chu Đức Chính	Thị trấn Đình Cả	296	16	HNK	0,01	0,01			
6	Hoàng Phương Thảo	Thị trấn Đình Cả	265	16	HNK	0,01	0,01			
7	Nguyễn Văn Sơn	Thị trấn Đình Cả	415	24	CLN	0,03	0,03			
II	Xã Phú Thượng					0,35	0,35			
1	Vi Văn Hòa	Xã Phú Thượng	352	30	TSN	0,010	0,01			
			353	30	LUC	0,040	0,04			
2	Hoàng Thị Tú	Xã Phú Thượng	94	63	LUC	0,040	0,04			
3	Hoàng Văn Chương	Xã Phú Thượng	573	60	LUK	0,010	0,010			
4	Hoàng Văn Luật	Xã Phú Thượng	259	60	LUK	0,010	0,010			
5	Hoàng Thị Điệp	Xã Phú Thượng	574	60	LUK	0,010	0,010			
6	Hoàng Văn Hồ	Xã Phú Thượng	36	52	HNK	0,010	0,010			
7	Hoàng Thị Thanh Nhân	Xã Phú Thượng	231	60	LUK	0,028	0,0280			
8	Lê Hồng Phong	Xã Phú Thượng	248	53	LUC	0,030	0,0300			
9	La Quý Thụ	Xã Phú Thượng	215	45	LUC	0,030	0,030			
10	Lành Thị Ánh Tuyết	Xã Phú Thượng	97	28	CLN	0,010	0,010			
11	Lành Thị Phương Dung	Xã Phú Thượng	99	28	CLN	0,020	0,020			
12	Lành Thị Thanh Trang	Xã Phú Thượng	98	28	CLN	0,020	0,020			
13	Lý Văn Hiền	Xã Phú Thượng	417	54	LUK	0,035	0,035			
14	Hoàng Văn Năm	Xã Phú Thượng	315	60	LUK	0,029	0,029			
15	Hoàng Văn Chiến	Xã Phú Thượng	261	54	LUC	0,019	0,019			
III	Xã Lâu Thượng					0,21	0,21			
1	Vi Văn Hòa	Xã Lâu Thượng	156	64	CLN	0,02	0,02			
2	Hoàng Văn Đại	Xã Lâu Thượng	224	19	BHK	0,01	0,01			
3	Hoàng Thị Thanh Huyền	Xã Lâu Thượng	66	54	LUC	0,007	0,007			
			67	54	LUC	0,013	0,013			
4	Dương Công Nhuyên	Xã Lâu Thượng	472	54	LUC	0,040	0,040			
5	Hoàng Văn Hoạt	Xã Lâu Thượng	192	41	LUK	0,050	0,050			
			64	55	LUC	0,010	0,010			

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)			
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:		
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm (CLN)	Sang đất trồng cây hàng năm khác (HNK)
6	Hoàng Văn Lê	Xã Lâu Thượng	672	55	LUC	0,010	0,010		
			674	55	LUC	0,015	0,015		
			675	55	LUC	0,015	0,015		
7	Vì Văn Bộ	Xã Lâu Thượng	26	32	LUC	0,020	0,020		
IV	Xã Dân Tiến					0,12	0,12		
1	Hoàng Ngọc Tiếp	Xã Dân Tiến	217	48	BHK	0,075	0,075		
2	Lê Văn Lâm	Xã Dân Tiến	385	29	BHK	0,010	0,010		
3	Nguyễn Thị Hằng	Xã Dân Tiến	5	52	BHK	0,010	0,010		
4	Ngô Thị Mây	Xã Dân Tiến	353	48	BHK	0,010	0,010		
5	Nguyễn Xuân Hiền	Xã Dân Tiến	39	48	BHK	0,010	0,010		
V	Xã Tràng Xá					0,17	0,17		
1	Vũ Xuân Tuấn	Xã Tràng Xá	221	118	CLN	0,020	0,020		
2	Hà Văn Thiện	Xã Tràng Xá	217	81	CLN	0,015	0,015		
3	Nông Ngọc Dương	Xã Tràng Xá	440	102	LUC	0,040	0,040		
4	Nông Văn Dũng	Xã Tràng Xá	441	102	LUC	0,040	0,040		
5	Dương Văn Cương	Xã Tràng Xá	412	82	LUK	0,020	0,020		
6	Dương Minh Phi	Xã Tràng Xá	413	82	LUK	0,030	0,030		
VI	Xã La Hiên					0,56	0,56		
1	Lê Mạnh Hùng	Xã La Hiên	233	43	HNK	0,007	0,007		
2	Lê Thị Thanh Tùng	Xã La Hiên	234	43	HNK	0,007	0,007		
3	Phạm Văn Hải	Xã La Hiên	137	80	HNK	0,014	0,014		
4	Doãn Anh Tuấn	Xã La Hiên	143	100	HNK	0,011	0,011		
5	Lê Văn Thái	Xã La Hiên	178	80	BHK	0,016	0,016		
6	Hoàng Văn Tôn	Xã La Hiên	138; 162; 163	81	LUK	0,060	0,060		
7	Nguyễn Thành Lộc	Xã La Hiên	138	80	HNK	0,010	0,010		
8	Quảng Thị Thọ	Xã La Hiên	456	56	CLN	0,020	0,020		
9	Lê Quốc Khánh	Xã La Hiên	190	52	LUK	0,150	0,150		
10	Bùi Văn Vượng	Xã La Hiên	247	86	HNK	0,008	0,008		
			231	86	LUK	0,040	0,040		
11	Nguyễn Đức Thuận	Xã La Hiên	275	86	LUK	0,047	0,047		
12	Nguyễn Thị Thịnh	Xã La Hiên	313	86	LUC	0,020	0,020		
13	Hoàng Tiến Trung	Xã La Hiên	256	52	LUK	0,070	0,070		
14	Nguyễn Văn Hình	Xã La Hiên	67	101	BHK	0,015	0,015		
15	Trần Quốc Khánh	Xã La Hiên	27	TĐ9	HNK	0,020	0,020		
16	Nguyễn Thế Anh	Xã La Hiên	196, 213	52	LUK	0,020	0,020		
17	Nguyễn Văn Tản	Xã La Hiên	88	93	LUC	0,020	0,020		
VII	Xã Phương Giao					0,04	0,04		
1	Triệu Thị Phương	Xã Phương Giao	247	85	CLN	0,010	0,010		
2	Tô Văn Vy	Xã Phương Giao	2	15	LUK	0,030	0,030		